|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**Số: /SNN-TSV/v tham gia tham luận tại Hội thảo ứng dụng các giải pháp công nghệ trong nuôi thủy hải sản công nghệ cao. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hải Phòng, ngày tháng 9 năm 2021* |

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Thực hiện Công văn số 793/SKHCN-QLCN ngày 31/8/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc tham gia tham luận tại Hội thảo ứng dụng các giải pháp công nghệ trong nuôi thủy hải sản công nghệ cao. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng báo cáo tham luận tại Hội nghị với nội dung “Tổng quan về hoạt động ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản tại Hải Phòng” như sau: *(Bài tham luận kèm theo)*.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính gửi Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, tổng hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- GĐ Sở, PGĐ Sở Vũ Bá Công;- Lưu: VT, TS. | **KT. GIÁM ĐỐC****PHÓ GIÁM ĐỐC****Vũ Bá Công** |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hải Phòng, ngày tháng 9 năm 2021* |

**BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Tổng quan về hoạt động ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản tại Hải Phòng**

**1. Tiềm năng, lợi thế phát triển nuôi trồng thủy sản**

Hải Phòng là thành phố có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế thuỷ sản toàn diện về nuôi trồng, khai thác, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá. Với diện tích tiềm năng nuôi trồng thủy sản khoảng 42.000 ha (nước ngọt 10.200 ha chiếm khoảng 24%; nước lợ 14.400 ha chiếm 36%; tiềm năng nuôi hải sản nước mặn khoảng 17.400 ha, chiếm 40%). Hệ thống sông ngòi của Hải Phòng có mật độ khá cao được hình thành bởi các hệ thống sông chính là sông Bạch Đằng, sông Đá Bạc, sông Cấm, sông Lạch Tray, sông Văn Úc, cửa sông Thái Bình… đặc điểm của các sông khá phức tạp, dòng chảy chậm, lượng phù sa lớn, thường tạo thành những bãi bồi, đầm nước hoặc vùng trũng ven sông thuận lợi cho việc nuôi trồng thuỷ sản. Nuôi trồng thuỷ sản phát triển mạnh ở cả ba vùng nước ngọt, lợ, mặn; giá trị sản lượng tăng đều hàng năm với các đối tượng nuôi có hiệu quả cao như: tôm sú, tôm chân trắng, cua biển, cá biển,… Nhiều địa phương đã và đang triển khai các dự án chuyển đổi cơ cấu và phát triển theo mô hình kinh tế trang trại, vùng sản xuất tập trung, nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

Với các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao và sản lượng lớn (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển…), khu vực nuôi nước lợ giữ vai trò quan trọng trong kết quả sản xuất thủy sản của thành phố nói chung và nuôi trồng thủy sản nói riêng. Trong đó tôm mặn lợ với các loài như tôm sú, tôm thẻ chân trắng được xác định là những đối tượng nuôi chủ lực bởi giá trị kinh tế, đầu ra cho sản phẩm rộng mở, quy mô sản xuất, trình độ kinh nghiệm và khả năng quản lý của người nuôi cao.

Đối với nghề cá, đã từ lâu Hải Phòng là nơi hội tụ không những của nghề cá Vịnh Bắc Bộ mà còn là nơi tập kết hàng thủy sản thương phẩm cũng như con giống, vật tư để cung cấp cho thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc, với các đầu mối giao thông của quốc lộ 5, quốc lộ 10, quốc lộ 18, sân bay Cát Bi... hàng thủy sản có thể từ đây tỏa đi khắp các vùng.

**2. Hoạt động ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản tại Hải Phòng**

- Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 toàn thành phố là 12.198,5 ha. Nhìn chung, diện tích nuôi trồng thủy sản của thành phố hiện nay có xu hướng chững lại bởi nguyên nhân dịch bệnh Covid19 đã kéo theo sự sụt giảm sản lượng tiêu thụ, bên cạnh đó thời tiết năm nay có nhiều diễn biến bất thường về nền nhiệt độ với nắng nóng kéo dài nên ảnh hưởng tới mức độ đầu tư mở rộng xuống giống sản xuất nuôi trồng thủy sản.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2020 đạt 71.663,1 tấn; giá trị sản xuất ước đạt 2.589,6 tỷ đồng; sản lượng giống sản xuất và dịch vụ ước đạt 2.400 triệu con giống các loại.

- Năm 2020 số ô lồng nuôi cá lồng bè là 9.462 ô lồng/440 bè (gần 7.900 ô nuôi, 1.500 ô làm nhà ở), đối tượng chủ yếu là cá song, cá giò, cá vược…; 3,72 ha/406 giàn nuôi nhuyễn thể (hầu, ngao hai cùi…).. Hiện nay mới có một số mô hình tiên tiến như nuôi cá lồng bè trong lồng hợp kim đồng, bè nổi đầu tư theo công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường của các Viện nghiên cứu; còn lại chủ yếu là các bè nuôi truyền thống với ô lồng, bè nuôi được làm bằng vật liệu như dàn tre, phao xốp,… gây ô nhiễm môi trường biển. Sau khi thực hiện tháo dỡ các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên các vịnh thược quần đảo Cát Bà theo Nghị Quyết số 05/2021/NQ-HĐND; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn đang tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hướng dẫn đối với nuôi trồng thủy sản lồng bè trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà theo đó các vật liệu và trang thiết bị sử dụng trong quá trình nuôi phải đảm bảo chắc chắn, bền, có khả năng chống chịu sóng gió, các chất khử trùng, tiêu độc và không ảnh hưởng tới cảnh quan, vệ sinh môi trường.

- Nuôi trồng thủy sản đa số vẫn ở quy mô nhỏ, hộ gia đình, hình thức nuôi chủ yếu vẫn là quảng canh cải tiến, bán thâm canh, diện tích nuôi thâm canh chỉ chiếm 20% tổng diện tích nuôi. Với quy mô hộ gia đình chiếm tỉ trọng lớn, nguồn lực kinh tế hạn hẹp nên việc đầu tư ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao để đưa nuôi trồng thủy sản thành ngành sản xuất hàng hóa tập trung còn hạn chế.

- Về chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, thủy sản, kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập nông dân thành phố Hải Phòng giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025; Nghị quyết số 14/2017/ NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Quy hoạch Khu, Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030; huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách đầu tư cho KH&CN, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp; thu hút đầu tư xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

* Tập trung đưa các dự án nuôi thủy sản thâm canh, công nghiệp ở Phù Long, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Lão vào sản xuất. Hình thành các vùng SX chuyên canh tập trung các đối tượng: tôm chân trắng, cá vược - cá song trong ao đất, cá rô phi có diện tích từ 50 ha trở lên (nước ngọt: Kiến Thụy, Tiên Lãng, An Lão; nước lợ: Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, Dương Kinh, Cát Hải)
* Nhân rộng các mô hình, dự án nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao gắn với xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung.
* Triển khai chương trình áp dụng qui phạm thực hành nuôi tốt (GAP), qui tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh thuỷ sản. Tăng cường các biện pháp quản lý, chuyển giao khoa học công nghệ, tạo sản phẩm nuôi sạch, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp thu và chuyển giao công nghệ sinh sản nhân tạo, công nghệ nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế. Áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải trong nuôi trồng thuỷ sản.
* Triển khai chương trình quan trắc và cảnh báo môi trường bệnh dịch làm công cụ quản lý và hướng dẫn các cơ sở NTTS phát triển bền vững.

- Các công nghệ áp dụng phổ biến trong nuôi trồng thủy sản tại Hải Phòng: công nghệ ao nổi lót bạt HDPE, nhà bạt nuôi tôm qua đông, sử dụng máy khử trùng nước bằng tia cực tím, nuôi tôm thẻ chân trắng 2 giai đoạn, “sông trong ao”,… Các công nghệ đang được thử nghiệm triển khai như ứng dụng: hệ thống nuôi tuần hoàn (RAS) trong nuôi tôm thẻ chân trắng; nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ Biofloc; ứng dụng công nghệ sinh học Biofloc trong nuôi cá rô phi nước lợ, bước đầu cho kết quả khả quan. Các mô hình cho lợi nhuận 200 – 800 triệu đồng/ha; mô hình sản xuất giống thủy sản mặn lợ đạt doanh thu trên 500 triệu đồng/hộ/năm.

**3. Định hướng và giải pháp phát triển ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản**

*3.1. Định hướng*

- Hoạt độngchuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng phát triển bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất giống thủy sản (trọng tâm là thủy sản nuôi lợ, mặn) có năng suất, chất lượng cao, sạch bệnh và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ cao tại các vùng nuôi tập trung các sản phẩm chủ lực, có giá trị kinh tế (tôm nước lợ, cá biển, cá vược…) nhằm nâng cao năng suất, giá trị trên đơn vị diện tích.

*3.2. Giải pháp*

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản giai đoạn tới, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất từ Trung ương tới địa phương.

- Đối với giống thủy sản: phát triển giống thủy sản mới có năng suất, chất lượng cao, sạch bệnh và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Đối với nuôi trồng thủy sản: đề nghị Chương trình giai đoạn tới quan tâm việc phát triển, ứng dụng công nghệ cao cho hoạt động nuôi biển ở vùng biển xa (biển hở).

- Tập trung nguồn lực cho hoạt động chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất thủy sản; ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư (thành phố, trung ương) cho xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu dùng chung của các cơ sở sản xuất giống, vùng nuôi trồng thủy tập trung, ứng dụng công nghệ cao (hệ thống thủy lợi, điện, giao thông…).

- Phát triển, tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất giống/thức ăn, nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất, mặt nước; nghiên cứu xây dựng, bổ sung cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư theo hướng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nuôi trồng thủy sản.

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**HẢI PHÒNG**